

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Vương Thái Dũng	Ủy viên
Ông Đinh Thái Hương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Năm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

12500
CÔNG TY
MẸ - HỮU
HỮU
NAM
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CDKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

ST. 11
11
11

Số: 34 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 05 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty mẹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ hạn chế trình bày ở đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty mẹ và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm khoản lãi cổ tức từ thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 trở về trước ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 liên quan đến các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xăng dầu và một số Công ty con chưa niêm yết khác. Giá trị các khoản đầu tư này tại thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần được đánh giá lại trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011. Hiện tại, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp nêu trên trong quá trình lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 và 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến việc đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 12 năm 2011. Các số liệu liên quan đến việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã được phản ánh trên các khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu và chênh lệch đánh giá lại tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chưa được quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, do Công ty mẹ phải mua ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại công bố để thanh toán các khoản vay, nợ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 nên Công ty mẹ đã đánh giá một cách thận trọng và thực hiện ghi nhận chênh lệch tỷ giá các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 theo Công văn số 1916/BTC-CDKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính, để cung cấp thông tin đầy đủ cho các cổ đông và các Nhà đầu tư về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013. Theo đó Công ty mẹ đã sử dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán để đánh giá số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương công bố thì chi phí tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 sẽ giảm 66.548.138.175 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 29 và 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, do sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại luôn ở mức 21.246 VND/USD, cao hơn 46 VND/USD so với tỷ giá Tập đoàn đang sử dụng để đánh giá số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Công văn số 1916/BTC-CDKT, nên tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã đánh giá một cách thận trọng và thực hiện ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh sau ngày khóa sổ khi thanh toán các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ với số tiền 46.992.022.248 VND để cung cấp thông tin đầy đủ cho các cổ đông và các Nhà đầu tư về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013. Nếu hạch toán theo các quy định hiện hành, chi phí tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 sẽ giảm 46.992.022.248 VND.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CKDT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty mẹ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn nhà nước tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa có Biên bản quyết toán để xác định phần vốn Nhà nước và số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 đang hạch toán trên tài khoản phải thu khác tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Như trình bày tại Thuyết minh 24, giá trị phần vốn Nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa được phê duyệt tại Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ là 10.164.018.676.419 VND. Giá trị phần vốn Nhà nước nêu trên bao gồm một số lỗ đất khi quyết toán cổ phần hóa có thể được ghi nhận là một khoản phải trả ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đang kiến nghị trong hồ sơ quyết toán cổ phần hóa để điều chỉnh với số tiền là 352.856.429.568 VND. Tuy nhiên quyết định cuối cùng sẽ phụ thuộc vào quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Công ty mẹ là 2.687.839.289.340 VND và một số chênh lệch với tổng số tiền là 57.219.558.308 VND so với giá trị vốn nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Tổng Công ty đã được Bộ Công thương phê duyệt cho mục đích cổ phần hóa đang được theo dõi trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa để quyết toán với cơ quan Nhà nước. Các giá trị này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 5 năm 2013, Tập đoàn đã phê duyệt phương án chia cổ tức với mức 500 VND/cổ phiếu sau khi quyết toán cổ phần hóa, đến thời điểm hiện tại Công ty mẹ chưa thực hiện ghi nhận và chi trả cho các cổ đông do chưa hoàn thành việc quyết toán cổ phần hóa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, theo Quyết định số 011/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2013 về việc thành lập Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex, Biên bản bàn giao tài sản và nguồn vốn giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex ngày 01 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện bàn giao các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại 05 công ty con (Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex và Công ty Cổ phần Cảng Cửa cảng Hải Phòng). Giá trị bàn giao là giá trị ghi sổ của Công ty mẹ, chưa bao gồm giá trị tăng hoặc giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính khi thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty mẹ đang thực hiện làm thủ tục chuyển giao chủ sở hữu đối với các Công ty này từ Công ty mẹ sang Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26, trong kỳ, Công ty mẹ đã thực hiện nghĩa vụ thuế theo quyết định của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về việc truy thu thuế những lô hàng tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết, chuyển sang tiêu thụ nội địa trong năm 2012 với số tiền thuế truy thu 170.045.456.193 VND. Công ty mẹ đã ghi nhận vào thuế giá trị gia tăng được hoàn và giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu với số tiền lần lượt là 15.489.639.281 VND và 154.555.496.912 VND.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		31.453.580.229.513	27.105.787.160.459
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.740.745.496.869	2.474.407.397.199
1. Tiền	111		1.286.857.979.729	1.838.468.501.222
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.453.887.517.140	635.938.895.977
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.262.286.488.658	9.612.057.723.733
1. Phải thu khách hàng	131		1.179.748.911.065	1.865.658.209.115
2. Trả trước cho người bán	132		102.169.009.507	34.609.107.253
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	6.098.164.349.316	4.865.042.549.555
4. Các khoản phải thu khác	135	7	2.882.204.218.770	2.846.747.857.810
III. Hàng tồn kho	140	8	14.238.180.681.968	13.597.937.648.922
1. Hàng tồn kho	141		14.238.180.681.968	13.597.937.648.922
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.212.367.562.018	1.421.384.390.605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		336.164.602	38.585.108.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.155.786.360.672	1.310.183.010.407
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	51.921.257.516	69.407.213.269
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.323.779.228	3.209.058.389
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.840.119.726.889	10.109.288.722.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		168.933.505.291	172.648.933.864
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	9	168.933.505.291	172.648.933.864
II. Tài sản cố định	220		341.522.476.632	1.013.890.809.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	45.148.803.684	712.183.335.467
- Nguyên giá	222		159.050.262.117	980.910.457.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.901.458.433)	(268.727.122.157)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	295.656.672.948	212.925.606.040
- Nguyên giá	228		363.129.950.741	266.707.955.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.473.277.793)	(53.782.349.881)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		717.000.000	88.781.868.160
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.866.475.698.134	8.434.822.673.668
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	8.348.822.209.837	7.665.131.328.852
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	1.649.116.082.897	1.649.116.082.897
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	543.155.024.525	606.901.179.490
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(1.674.617.619.125)	(1.486.325.917.571)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		463.188.046.832	487.926.305.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	463.188.046.832	487.926.305.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		41.293.699.956.402	37.215.075.882.935

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		30.541.643.597.382	27.047.837.972.467
I. Nợ ngắn hạn	310		29.842.142.267.464	26.040.941.010.266
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	9.270.439.653.136	16.331.425.043.635
2. Phải trả người bán	312		18.909.544.651.091	9.341.182.281.523
3. Người mua trả tiền trước	313		250.729.751	41.759.615
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.433.070.565.671	231.447.936.709
5. Phải trả người lao động	315		6.570.167.711	13.528.183.371
6. Chi phí phải trả	316		102.703.373.513	37.525.170.272
7. Phải trả nội bộ	317	19	3.944.172.040	29.671.120.566
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	105.971.227.403	55.019.774.036
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.647.727.148	1.099.740.539
II. Nợ dài hạn	330		699.501.329.918	1.006.896.962.201
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	7.910.232.454	7.910.232.454
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	491.518.113.104	482.690.611.567
3. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340	23	200.072.984.360	516.296.118.180
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.752.056.359.020	10.167.237.910.468
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	10.752.056.359.020	10.167.237.910.468
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.700.000.000.000	10.700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		11.932.898.591	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(896.534.817.565)	(896.534.817.565)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		(244.570.817)	(244.570.817)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		936.902.848.811	352.084.400.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		41.293.699.956.402	37.215.075.882.935

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
1. Hàng hoá nhận giữ hộ	(Lít)	259.839.340	260.484.236
2. Ngoại tệ các loại	USD	3.373.344	9.617.333



Trần Văn Thịnh
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mên
 Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
	số	minh	đến ngày 30/6/2013	đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		79.569.373.862.376	80.674.828.090.375
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	25	79.569.373.862.376	80.674.828.090.375
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	78.247.134.157.322	79.795.529.713.122
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.322.239.705.054	879.298.377.253
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	872.121.306.610	920.150.636.140
6. Chi phí tài chính	22	29	877.028.319.339	564.964.611.598
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		158.614.515.398	351.033.699.044
7. Chi phí bán hàng	24	30	723.534.709.387	888.694.727.014
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-24}	30		593.797.982.938	345.789.674.781
9. Thu nhập khác	31		41.007.718.560	36.630.754.594
10. Chi phí khác	32		6.077.830.331	5.441.042.725
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	34.929.888.229	31.189.711.869
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		628.727.871.167	376.979.386.650
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	17.167.422.615	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		611.560.448.552	376.979.386.650



Trần Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Nguyễn Thị Mên
Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	628.727.871.167	376.979.386.650
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	40.101.441.698	46.122.879.959
- Các khoản dự phòng và quỹ bình ổn giá xăng dầu	03	(127.931.432.266)	(726.442.099.590)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	239.538.623.198	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(722.161.415.914)	(599.490.280.807)
- Chi phí lãi vay	06	158.614.515.398	351.033.699.044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	216.889.603.281	(551.796.414.744)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(474.341.538.110)	815.828.923.046
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(664.794.666.488)	(690.052.213.735)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	10.668.065.096.081	4.413.667.853.496
- Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	236.141.481.113	(108.093.346.615)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(170.009.020.304)	(305.681.810.692)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(19.352.380.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.811.950.955.573	3.554.520.610.500
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.803.318.374)	(18.084.198.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	30.000.001	-
3. Tiền thu hồi cho vay từ các đơn vị khác	24	63.746.154.965	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(194.163.018.975)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	68.757.334.584
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	542.617.230.404	155.942.102.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	593.590.066.996	12.452.219.663
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.679.996.649.357	30.032.543.078.317
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.820.188.991.196)	(34.470.390.682.708)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.140.192.341.839)	(4.437.847.604.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3.265.348.680.730	(870.874.774.228)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.474.407.397.199	6.404.970.705.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	989.418.940	-
Tiền tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.740.745.496.869	5.534.095.930.853

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm 1.500 tỷ VND là số tiền góp vốn vào Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex thông qua bàn giao các khoản đầu tư tại 05 công ty con (Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Vitaco, Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu VIPCO, Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng, Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex và Công ty Cổ phần Cảng Cửa cấm Hải Phòng), Tàu Vận Phong 1 và một số tài sản ngắn hạn khác.

Trong kỳ, Công ty mẹ thực hiện gửi ngân hàng với thời hạn nhỏ hơn 3 tháng số tiền 33.999.588.251.163 VND, đã thu hồi 30.181.639.630.000 VND. Các chỉ tiêu này được phản ánh trên khoản mục Các khoản tương đương tiền trên báo cáo tài chính riêng. Do đó, chỉ tiêu tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền thu hồi cho vay trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không bao gồm số tiền nêu trên.



Trần Văn Thịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Nguyễn Thị Mên
Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"), trước đây là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 224/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995. Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng đặc biệt tại Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và toàn Tập đoàn đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100107370 ngày 01 tháng 12 năm 2011, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 và trở thành Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo các quy định của pháp luật. Cơ cấu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam gồm có Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty thành viên.

Trụ sở chính: Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành xăng dầu cho toàn Tập đoàn; quản lý phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 230 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 239 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CKKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty mẹ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chưa có biên bản xác định phần vốn Nhà nước tại ngày này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty mẹ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo Công văn chấp thuận số 956/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty mẹ được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty mẹ được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo Quyết định số 505/XD-QĐ-TGDĐ ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về “Cơ chế kinh doanh xăng dầu, áp dụng từ ngày 01 tháng 11 năm 2012”, toàn bộ hàng tồn kho là xăng dầu tồn tại các Công ty Xăng dầu thành viên đều thuộc sở hữu của Công ty mẹ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 491/PLX-QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về việc “Ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng đối với các công ty thành viên” và Thông tư số 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Loại tài sản cố định	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	
	Số năm	
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 35	
Máy móc, thiết bị	5 - 15	
Phương tiện vận tải	8 - 20	
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6	
Tài sản cố định khác	10	

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm SAP (hệ thống ERP); và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đền bù giải phóng, san lấp mặt bằng. Quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm SAP là toàn bộ chi phí mà Công ty mẹ đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm và bản quyền vào sử dụng. Các phần mềm máy tính và bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê các nhà thầu xây dựng, lắp đặt và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty mẹ phản ánh vào khoản mục đầu tư vào công ty con đối với các khoản đầu tư vào các công ty mà Công ty mẹ góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối Công ty mẹ của đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc phản ánh giá trị các khoản đầu tư này như trên là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

Công ty mẹ đã đánh giá ảnh hưởng của các quy định về hoạt động đầu tư góp vốn vào lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc "Quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác" đến các khoản đầu tư của Công ty mẹ. Đối với khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, Công ty mẹ đã có kế hoạch thoái vốn và sẽ giảm tỷ lệ sở hữu vốn xuống mức quy định của Nhà nước vào năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư vào công ty con từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, các khoản đánh giá tăng được ghi tăng trực tiếp các khoản đầu tư, các khoản đánh giá giảm được ghi vào khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này và các khoản dự phòng tương ứng có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư vào công ty liên kết từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 và ghi nhận tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dài hạn mà không đủ điều kiện là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào công ty con.

Công ty mẹ nhận bàn giao các khoản đầu tư dài hạn khác từ Văn phòng Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011. Các khoản đầu tư này được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, các khoản đánh giá tăng được ghi tăng trực tiếp các khoản đầu tư, các khoản đánh giá giảm được ghi vào khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tương ứng với chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Giá trị các khoản đầu tư này và các khoản dự phòng tương ứng có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Bao gồm:

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm nhận bàn giao sang Công ty cổ phần (ngày 30 tháng 11 năm 2011).

Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Theo Thông tư số 202/2011/TT-BTC thì các khoản chênh lệch đề cập ở trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Xăng dầu đã có Công văn số 1947/PLX-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2011 gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc xác định lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Liên quan đến vấn đề đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, Bộ Công thương đã gửi Công văn số 10579/BTC-TC ngày 02 tháng 11 năm 2012 đến Bộ tài chính đề xuất thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ghi nhận trên chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản thuộc phần Vốn chủ sở hữu chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1009/BTC-TCDN trả lời công văn nêu trên của Bộ Công thương; theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công thương không thực hiện đánh giá lại đối với các khoản đầu tư này để đảm bảo số vốn Nhà nước như đã công bố. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến việc đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Bên cạnh đó, các số liệu liên quan đến việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã được phản ánh trên các khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu và chênh lệch đánh giá lại tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chưa được quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 11 năm 2011.

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013:

Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Các khoản trả trước dài hạn

Khoản trả trước dài hạn thể hiện lợi thế kinh doanh của Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu và 42 công ty xăng dầu thành viên được xác định trong quá trình định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Công ty mẹ thực hiện phân bổ lợi thế thương mại vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá bán các mặt hàng xăng dầu của Công ty mẹ cho các Công ty Xăng dầu thành viên là giá bán nội bộ do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam quy định cho từng kỳ hoạt động dựa trên sự biến động của giá xăng, dầu nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận các khoản lãi.

Ngoại tệ

Theo Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty mẹ được phép sử dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán để đánh giá số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Công văn số 1916/BTC-CĐKT nêu trên nhằm đảm bảo tính thận trọng để cung cấp thông tin đầy đủ cho các cổ đông và các Nhà đầu tư về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 (do Công ty mẹ phải mua ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại công bố để thanh toán các khoản vay, nợ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013). Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 234/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 12 năm 2009 về việc “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	322.890.000	381.403.000
Tiền gửi ngân hàng (i)	1.286.535.089.729	1.838.087.098.222
Các khoản tương đương tiền (ii)	4.453.887.517.140	635.938.895.977
	<u>5.740.745.496.869</u>	<u>2.474.407.397.199</u>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã bao gồm giá trị đồng RUP chuyển nhượng với số tiền 2.123.271.518 VND chỉ có giá trị sổ sách, không có số dư trên tài khoản tại ngân hàng nhưng chưa được xử lý.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Xăng dầu KV 1 - Công ty TNHH MTV	338.566.312.020	236.324.982.352
Công ty Xăng dầu KV2 - Công ty TNHH MTV	1.186.323.892.274	1.171.314.932.999
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	1.282.261.007.198	1.200.448.766.785
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	289.863.205.385	245.811.996.236
Công ty Xăng dầu KV5 - Công ty TNHH MTV	209.353.527.948	148.691.486.637
Công ty Xăng dầu KV3 - Công ty TNHH MTV	253.768.376.855	273.628.958.197
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	97.257.347.933	60.163.514.343
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tiền Giang	69.972.032.329	65.143.244.077
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	114.063.531.204	63.584.463.312
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	54.254.721.197	46.156.431.023
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	43.008.043.103	26.149.613.399
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	86.071.081.314	63.118.634.756
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	50.501.967.189	30.689.634.559
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	91.113.099.190	69.586.586.452
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Long	186.093.919.838	131.238.064.943
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	192.663.559.188	91.938.985.641
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	146.259.403.083	75.360.040.686
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	51.241.799.527	23.659.601.633
Công ty Xăng dầu Long An	108.274.838.318	82.259.570.552
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	69.793.019.846	42.365.237.574
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	163.874.551.587	77.155.935.670
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	55.800.015.383	38.932.460.460
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa - Công ty TNHH MTV	150.607.866.665	99.598.748.875
Công ty Xăng dầu Bến Tre	48.928.344.261	33.615.433.211
Công ty Xăng dầu Nghệ An	131.787.101.514	24.321.271.367
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	76.460.817.961	45.903.368.267
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	80.391.278.726	30.927.728.552
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	42.701.631.262	32.134.834.239
Công ty Xăng dầu Điện Biên	28.122.081.824	23.595.990.932
Công ty Xăng dầu Yên Bái	33.994.260.615	19.561.887.784
Công ty Xăng dầu Thái Bình	39.291.037.247	15.781.952.598
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	28.268.283.947	16.766.202.506
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	27.361.223.797	18.190.473.729
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Công ty TNHH MTV	11.379.324.955	10.522.762.294
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	47.231.943.268	25.434.505.108
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	56.359.882.745	38.637.800.034
Công ty Xăng dầu Lào Cai	53.463.819.310	37.116.299.104
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	50.792.493.544	91.946.748.511
Công ty Xăng dầu Hà Giang	614.768.851	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	13.100.804.256	-
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	36.928.132.659	37.263.400.158
	<u>6.098.164.349.316</u>	<u>4.865.042.549.555</u>

Phải thu nội bộ bao gồm:

- Công nợ phải thu liên quan đến giá trị tài sản tại các công ty xăng dầu thành viên được định giá lại trong quá trình cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam với số tiền 2.476.941.550.254 VND.
- Phải thu nội bộ còn lại liên quan đến công nợ doanh thu bán xăng dầu của Công ty mẹ cho các công ty xăng dầu thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	2.771.536.837.630	2.771.536.837.630
<i>Chi phí cổ phần hóa</i>	6.626.383.506	6.626.383.506
<i>Lỗ lũy kế của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam đến ngày 30/11/2011 (*)</i>	2.687.839.289.340	2.687.839.289.340
<i>Quỹ sắp xếp lao động dôi dư</i>	19.851.606.476	19.851.606.476
<i>Phải thu khác về cổ phần hóa (*)</i>	57.219.558.308	57.219.558.308
Phải thu về công nợ với các công ty cổ phần	41.915.209.140	57.626.918.866
Phải thu về công nợ với các công ty khối Xăng dầu	324.402.253	2.231.128.443
Phải thu Bộ Tài chính giá vốn hàng P10	13.843.086.138	2.226.535.213
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	48.593.324.800	-
Phải thu khác	5.991.358.809	13.126.437.658
	<u>2.882.204.218.770</u>	<u>2.846.747.857.810</u>

(*) Lỗ lũy kế của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 được chuyển sang khoản phải thu khác khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Giá trị này có thể thay đổi trong quá trình quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Phải thu khác về cổ phần hóa là các chênh lệch về vốn so với vốn nhà nước tại ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Bộ Công thương phê duyệt để cổ phần hóa, cụ thể như sau đây. Chênh lệch này sẽ được xử lý khi Tập đoàn thực hiện quyết toán cổ phần hóa với các cơ quan có thẩm quyền.

	<u>30/6/2013</u>
	VND
Vốn nhà nước được ghi tăng khi xác định giá trị doanh nghiệp liên quan đến tiền thuê đất tại Công ty Xăng dầu Khu vực 5 - Công ty TNHH MTV. Tuy nhiên việc ghi tăng vốn nhà nước này chưa phù hợp.	20.155.200.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 làm giảm vốn Nhà nước.	31.563.381.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tính vào vốn nhà nước, tuy nhiên Tập đoàn không tính vào vốn Nhà nước khoản này khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	5.439.483.341
Các khoản khác	61.493.264
	<u>57.219.558.308</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.270.858.585.516	457.688.974.735
Nguyên liệu, vật liệu	43.698.103.515	91.536.530.842
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	558.302.388	17.488.649.508
Hàng hóa	11.923.065.690.549	13.031.223.493.837
Tổng cộng	14.238.180.681.968	13.597.937.648.922
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	14.238.180.681.968	13.597.937.648.922

9. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	160.435.158.400	160.435.158.400
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	3.280.000.000	3.280.000.000
Công ty Xăng dầu Lào Cai	1.337.373.500	2.481.373.500
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	680.973.391	680.973.391
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	-	2.571.428.573
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	3.200.000.000	3.200.000.000
	168.933.505.291	172.648.933.864

Phải thu dài hạn nội bộ phản ánh số tiền Công ty mẹ cho các công ty xăng dầu thành viên vay dài hạn phục vụ đầu tư xây dựng cơ bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	42.174.667.300	3.694.981.707	830.773.403.755	104.099.104.862	168.300.000	980.910.457.624
Mua trong năm	-	-	-	5.459.590.000	-	5.459.590.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Điều động nội bộ (i)	-	-	(817.329.653.755)	(417.099.119)	-	(817.746.752.874)
Giảm khác (ii)	-	(12.000.000)	-	(9.390.932.633)	(65.100.000)	(9.468.032.633)
Tại ngày 30/6/2013	42.174.667.300	3.682.981.707	13.443.750.000	99.645.663.110	103.200.000	159.050.262.117
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	24.616.554.807	2.406.129.734	169.751.236.679	71.811.138.603	142.062.334	268.727.122.157
Khấu hao trong năm	740.726.192	289.378.143	14.268.117.125	11.082.870.302	16.204.430	26.397.296.192
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Điều động nội bộ (i)	-	-	(173.766.522.629)	(269.798.735)	-	(174.036.321.364)
Giảm khác (ii)	-	(11.877.027)	-	(7.014.610.184)	(55.151.341)	(7.081.638.552)
Tại ngày 30/6/2013	25.357.280.999	2.683.630.850	10.252.831.175	75.504.599.986	103.115.423	113.901.458.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	16.817.386.301	999.350.857	3.190.918.825	24.141.063.124	84.577	45.148.803.684
Tại ngày 31/12/2012	17.558.112.493	1.288.851.973	661.022.167.076	32.287.966.259	26.237.666	712.183.335.467

(i) Điều động nội bộ phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tàu Vân Phong 1 và một số tài sản trên tàu đã được bán giao sang Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex vào ngày 01 tháng 5 năm 2013.

(ii) Giảm khác phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư số 45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	149.058.663.858	113.403.696.825	4.245.595.238	266.707.955.921
Mua trong năm	-	558.000.000	-	558.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	95.877.480.070	-	95.877.480.070
Giảm khác (ii)	-	(13.485.250)	-	(13.485.250)
Tại ngày 30/6/2013	149.058.663.858	209.825.691.645	4.245.595.238	363.129.950.741
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	-	51.699.322.341	2.083.027.540	53.782.349.881
Khấu hao trong năm	-	13.527.828.050	176.317.456	13.704.145.506
Giảm khác (ii)	-	(13.217.594)	-	(13.217.594)
Tại ngày 30/6/2013	-	65.213.932.797	2.259.344.996	67.473.277.793
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	149.058.663.858	144.611.758.848	1.986.250.242	295.656.672.948
Tại ngày 31/12/2012	149.058.663.858	61.704.374.484	2.162.567.698	212.925.606.040

- (i) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 123.331.374.900 VND đã ghi tăng chi tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội với số tiền 119.355.534.900 VND. Công ty mẹ đang xem xét điều chỉnh giảm giá trị quyết toán vốn Nhà nước do xác định giá trị đánh giá tăng này phải trả Ngân sách Nhà nước. Công ty mẹ đang trong quá trình quyết toán cổ phần hóa chính thức và số liệu sẽ phụ thuộc vào quyết toán cổ phần hóa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- (ii) Giảm khác phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số	
				tại ngày 30/6/2013 VND	tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty CP Thương mại và Vận tải Hà Nội	Hà Nội	51,06%	51,06%	24.902.280.000	24.902.280.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	52,73%	52,73%	53.722.150.000	53.722.150.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (iii)	Hải Phòng			12.587.577.540	42.417.720.000
Công ty CP Thương mại và Vận tải Đà Nẵng	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	11.227.409.111	11.227.409.111
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	14.650.943.491	14.650.943.491
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	Hà Nội	51,00%	51,00%	13.726.481.068	13.726.481.068
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO (iii)	Hải Phòng			527.707.159.200	832.740.199.200
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex (iii)	Hồ Chí Minh			9.375.726.444	52.913.493.000
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO (iii)	Hồ Chí Minh			8.160.000.000	422.812.170.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng	Hà Nội	51,00%	51,00%	7.164.153.175	7.164.153.175
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	Hà Nội	79,07%	79,07%	570.562.500.000	570.562.500.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex (i)	Hà Nội	51,19%	51,19%	361.849.067.685	361.849.067.685
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	Hà Nội	51,03%	51,03%	8.901.974.812	8.901.974.812
Công ty CP Gas Petrolimex	Hà Nội	52,37%	52,37%	306.662.738.200	306.662.738.200
Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	Hà Nội	51,99%	51,99%	82.753.110.000	82.753.110.000
Công ty CP Bất động sản Petrolimex	Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	116.158.702.179	116.158.702.179
Công ty LD TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	Khánh Hòa	54,47%	54,47%	420.431.100.000	420.431.100.000
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Hải Phòng	60,00%	60,00%	54.295.830.000	54.295.830.000
Công ty CP Thiết bị Xăng dầu	Hà Nội	50,48%	50,48%	17.373.131.758	17.373.131.758
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	Hà Nội	59,00%	59,00%	95.080.168.426	95.080.168.426
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế	Huế	51,00%	51,00%	9.253.799.182	9.253.799.182
Công ty CP Cơ khí Xăng dầu (ii)	Hồ Chí Minh	46,00%	46,00%	47.517.612.315	47.517.612.315
Công ty CP Xây lắp I (ii)	Hà Nội	30,00%	30,00%	18.837.067.243	18.837.067.243
Công ty CP Xây lắp III (ii)	Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	23.914.459.390	23.914.459.390
Công ty TNHH Petrolimex Singapore	Singapore	100,00%	100,00%	312.045.000.000	312.045.000.000
Công ty CP Cảng Cửa Cấm (iii)	Hải Phòng			-	23.256.000.000
Công ty TNHH Petrolimex Lào	Lào	100,00%	100,00%	68.162.068.618	68.162.068.618
Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	Hà Nội	100,00%	100,00%	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
 Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 30/6/2013 VND	Giá trị đầu tư ghi số tại ngày 31/12/2012 VND	Hoạt động chính
Khối xăng dầu trực thuộc				3.651.800.000.000	3.651.800.000.000	
Công ty Xăng dầu KV1- Công ty TNHH MTV	Hà Nội	100%	100%	269.000.000.000	269.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu KV2	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	570.000.000.000	570.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu KV3- Công ty TNHH MTV	Hải Phòng	100%	100%	76.000.000.000	76.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu KV5- Công ty TNHH MTV	Đà Nẵng	100%	100%	194.000.000.000	194.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu B12 - Công ty TNHH MTV	Quảng Ninh	100%	100%	692.000.000.000	692.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Bắc Giang	100%	100%	37.000.000.000	37.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Thái Nguyên	100%	100%	46.000.000.000	46.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	40.500.000.000	40.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Nam Định	100%	100%	95.000.000.000	95.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa- Công ty TNHH MTV	Thanh Hóa	100%	100%	61.000.000.000	61.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Nghệ An	Nghệ An	100%	100%	104.500.000.000	104.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bình Định	Bình Định	100%	100%	68.500.000.000	68.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Khánh Hòa	100%	100%	89.000.000.000	89.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cần Thơ	100%	100%	132.300.000.000	132.300.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Hà Nội	100%	100%	78.000.000.000	78.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	100%	100%	121.000.000.000	121.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Gia Lai	100%	100%	69.500.000.000	69.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	100%	100%	45.000.000.000	45.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Đồng Tháp	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Điện Biên	100%	100%	28.000.000.000	28.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Yên Bái	Yên Bái	100%	100%	16.000.000.000	16.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	13.000.000.000	13.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Đắk Lắk	100%	100%	60.000.000.000	60.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Lâm Đồng	100%	100%	38.800.000.000	38.800.000.000	Kinh doanh xăng dầu

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
 Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐÀU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi số	Giá trị đầu tư ghi số	Hoạt động chính
				tại ngày 30/6/2013 VND	tại ngày 31/12/2012 VND	
Công ty Xăng dầu Long An	Long An	100%	100%	57.000.000.000	57.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Vĩnh Long	Vĩnh Long	100%	100%	76.000.000.000	76.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Trà Vinh	100%	100%	25.000.000.000	25.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	Cà Mau	100%	100%	51.000.000.000	51.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	Cao Bằng	100%	100%	16.000.000.000	16.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Sông Bé - Công ty TNHH MTV	Bình Dương	100%	100%	38.900.000.000	38.900.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Tuyên Quang	100%	100%	16.000.000.000	16.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tiền Giang	Tiền Giang	100%	100%	49.500.000.000	49.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Quảng Bình	100%	100%	31.000.000.000	31.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Bến Tre	Bến Tre	100%	100%	37.700.000.000	37.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	34.000.000.000	34.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Lào Cai	Lào Cai	100%	100%	44.000.000.000	44.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Giang	Hà Giang	100%	100%	20.500.000.000	20.500.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Tây Ninh	100%	100%	45.000.000.000	45.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	An Giang	100%	100%	35.000.000.000	35.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	100%	100%	38.000.000.000	38.000.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	47.700.000.000	47.700.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	15.400.000.000	15.400.000.000	Kinh doanh xăng dầu
Cộng				8.348.822.209.837	7.665.131.328.852	

- (i) Hiện tại, Công ty mẹ đã đánh giá và xây dựng lộ trình giảm vốn theo quy định của Nhà nước để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về mức vốn đầu tư ra ngoài công ty Nhà nước.
- (ii) Các công ty mà Công ty mẹ góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm giữ quyền kiểm soát do số lượng thành viên trong Hội đồng quản trị.
- (iii) Theo Quyết định số 011/PLX-QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2013 về việc thành lập Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex, Biên bản bàn giao tài sản và nguồn vốn giữa Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex ngày 01 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ thực hiện bàn giao các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các Công ty này sang Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex. Giá trị các khoản đầu tư bàn giao là giá trị ghi sổ của Công ty mẹ, chưa bao gồm giá trị tăng hoặc giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính khi thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Công ty mẹ đang thực hiện làm thủ tục chuyển giao chủ sở hữu đối với các Công ty này từ Công ty mẹ sang Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư ghi sổ tại ngày 30/6/2013 (VND)	Giá trị đầu tư ghi sổ tại ngày 31/12/2012 (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam (i)	Hồ Chí Minh	35%	35%	385.637.579.602	385.637.579.602	Chế biến các sản phẩm dầu nhờn
Công ty CP Dịch vụ Miền núi và Dân tộc Tuyên Quang	Tuyên Quang	33,33%	33,33%	891.808.000	891.808.000	Kinh doanh thương mại, dịch vụ
Ngân hàng TMCP Xăng dầu (ii)	Đông Tháp (nay là Hà Nội)	40%	40%	1.262.586.695.295	1.262.586.695.295	Kinh doanh dịch vụ Ngân hàng
				1.649.116.082.897	1.649.116.082.897	

- (i) Giá trị Công ty mẹ ghi nhận đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam cao hơn số liệu theo báo cáo tài chính của đơn vị với số tiền 7.371.008.325 VND. Chênh lệch do Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam trả lại đất cho Công ty mẹ theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ đã kiến nghị ghi giảm vốn Nhà nước liên quan đến chênh lệch giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn này trong Biên bản quyết toán Cổ phần hóa. Công ty mẹ chưa ghi nhận điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam do chờ phê duyệt của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (ii) Hiện tại, Công ty mẹ đã đánh giá và xây dựng lộ trình giảm vốn theo quy định của Nhà nước để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về mức vốn đầu tư ra ngoài công ty Nhà nước.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán	128.494.852.200	128.494.852.200
Công ty CP Vật liệu Xăng dầu Chất đốt Đồng Nai	2.582.100.000	2.582.100.000
Công ty CP Xăng dầu Bình Thuận	1.697.125.000	1.697.125.000
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (VICOSIMEX)	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu (Eximbank)	49.913.937.200	49.913.937.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.801.690.000	3.801.690.000
Công ty CP Hoá dầu Quân đội	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Đường cao tốc (VESC)	20.000.000.000	20.000.000.000
Ủy thác đầu tư (i)	414.660.172.325	478.406.327.290
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	414.660.172.325	478.406.327.290
	543.155.024.525	606.901.179.490

- (i) Phản ánh các khoản tiền ủy thác cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex cho các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam vay vốn để thực hiện các công trình, dự án theo chỉ định và phê duyệt của Tập đoàn. Các khoản ủy thác cho vay này có thời hạn ủy thác theo hợp đồng cho vay của Bên đi vay và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, lãi suất ủy thác quy định theo từng lần ủy thác cụ thể. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex được hưởng phí ủy thác 1% là phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn nhận bàn giao (i)	1.400.051.449.475	1.400.051.449.475
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	692.425.000.800	692.425.000.800
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	27.532.224.000	27.532.224.000
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO	248.658.258.600	248.658.258.600
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	85.753.835.685	85.753.835.685
Công ty CP Gas Petrolimex	212.860.021.400	212.860.021.400
Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	33.359.504.200	33.359.504.200
Công ty CP Thương mại và Vận tải Hà Nội	6.544.830.000	6.544.830.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	24.107.461.000	24.107.461.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	18.278.910.000	18.278.910.000
Công ty CP Hoá dầu Petrolimex	4.522.289.200	4.522.289.200
Công ty CP Cơ khí Xăng dầu (PMS)	27.900.838.015	27.900.838.015
Công ty TNHH Petrolimex Lào	26.056.875	26.056.875
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	18.082.219.700	18.082.219.700
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30/6/2013	274.566.169.650	86.274.468.096
Công ty TNHH Hóa chất PTN	8.578.217.933	12.379.942.534
Công ty CP Xuất nhập khẩu Petrolimex	7.504.267.012	-
Công ty CP Nhiên liệu bay	3.183.941.850	-
Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Văn Phong	110.645.641.788	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty xăng dầu thành viên	144.654.101.067	73.894.525.562
	<u>1.674.617.619.125</u>	<u>1.486.325.917.571</u>

- (i) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (ngày 01 tháng 12 năm 2011) với số tiền 1.400.051.449.475 VND như trình bày tại Thuyết minh số 4.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh liên quan đến cổ phần hóa (i)	460.819.288.317	487.926.305.277
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.368.758.515	-
	<u>463.188.046.832</u>	<u>487.926.305.277</u>

- (i) Khoản trả trước dài hạn thể hiện lợi thế kinh doanh của Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu và 42 công ty xăng dầu thành viên được xác định trong quá trình định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Công ty mẹ thực hiện phân bổ lợi thế thương mại vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	9.108.117.866.520	16.016.557.203.786
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.126.447.570.400	3.636.070.978.036
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1.841.183.116.028	1.295.829.926.124
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.087.560.000.000	1.218.429.767.630
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.004.837.600.000	2.294.229.300.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)	540.600.000.000	722.280.500.000
Ngân hàng Standard Chartered	322.000.000.000	489.892.500.000
Ngân hàng Citibank	300.115.231.868	679.952.922.862
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	276.448.000.000	351.350.361.442
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	233.180.000.000	1.290.309.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	148.400.000.000	419.172.470.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	127.200.000.000	624.450.000.000
Ngân hàng ANZ	100.146.348.224	526.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas	-	1.534.065.500.000
Ngân hàng Deutsche Bank	-	101.923.977.692
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	-	208.150.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	-	624.450.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	162.321.786.616	314.867.839.849
Ngân hàng TMCP Xăng dầu	2.716.157.100	5.432.314.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	23.319.915.200	41.814.097.017
Ngân hàng BNP Paribas	136.285.714.316	267.621.428.632
	9.270.439.653.136	16.331.425.043.635

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ các Ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và mở các tín dụng thư (L/C) nhập khẩu hàng hóa xăng dầu. Thời hạn các khoản vay đều dưới 03 tháng, lãi suất cho vay đối với các khoản vay USD dao động từ 2% đến 3%/năm, lãi suất cho vay đối với các khoản vay VND dao động từ 4,3% đến 4,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	01/01/2013	01/01/2013	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2013	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	110.383.502.298	3.917.822.442.969	4.311.529.506.281	-	504.090.565.610
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	33.757.331.567	1.988.538.173.116	2.208.934.828.293	-	254.153.986.744
Thuế xuất, nhập khẩu	-	87.201.111.402	4.078.342.051.631	4.665.193.564.705	-	674.052.624.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.088.680.131	-	-	17.167.422.615	51.921.257.516	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.991.442	2.387.585.132	2.387.585.132	-	105.991.442
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	1.712.523.834	1.712.523.834	-	-
Các loại thuế khác	318.533.138	-	1.915.861.380	2.901.791.917	-	667.397.399
Tổng cộng	69.407.213.269	231.447.936.709	9.990.718.638.062	11.209.827.222.777	51.921.257.516	1.433.070.565.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	3.944.172.040	5.270.504.052
Công ty Xăng dầu Bình Định	-	18.846.835.876
Công ty Xăng dầu Hà Giang	-	5.553.780.638
	<u>3.944.172.040</u>	<u>29.671.120.566</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Kinh phí công đoàn	2.300.000	13.500.000
Phải trả về cổ phần hóa (i)	29.470.085.300	29.470.085.300
Phải trả khác	76.498.842.103	25.536.188.736
	<u>105.971.227.403</u>	<u>55.019.774.036</u>

- (i) Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện phát hành cổ phần ra công chúng. Thặng dư vốn cổ phần phát sinh là 112.706.453.090 VND, Tập đoàn đã tạm quyết toán và nộp một phần cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) trên cơ sở tổng thặng dư từ cổ phần hóa trừ chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư..., phần còn lại Công ty mẹ đang tạm theo dõi trên khoản mục phải trả về cổ phần hóa. Theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, số tiền thặng dư vốn sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư. Vì vậy, số tiền thặng dư vốn sẽ được quyết toán và nộp vào SCIC khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa theo đúng quy định.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Giá trị quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty TNHH Hóa chất PTN	7.910.232.454	7.910.232.454

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	349.800.084.800	343.447.583.260
Ngân hàng BNP Paribas (b)	136.285.714.104	133.810.714.107
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (c)	5.432.314.200	5.432.314.200
	<u>491.518.113.104</u>	<u>482.690.611.567</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (a) Tại ngày 16 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký Hợp đồng vay số 01/2009/VCB-PETROLIMEX/HĐTD với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với hai khoản tín dụng: khoản tín dụng A trị giá tối đa 11.000.000 USD và khoản tín dụng B trị giá tối đa 22.000.000 USD. Khoản vay này được dùng để thanh toán tối đa 75% của giá mua cuối cùng tàu chở dầu thành phẩm, chủng loại Aframax, mang tên Maersk Priority (Tàu Văn Phong 1), đóng năm 2005, số hiệu 9VVD5, tương đương 33.000.000 USD. Tàu biển mua của Công ty A.P.Moller Singapore PTE LTD theo hợp đồng ký ngày 9/11/2009. Tại ngày 30/6/2013, khoản tín dụng A được hoàn trả hết, khoản tín dụng B được hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng lãi suất lẻ nhưng không thấp hơn 4%/năm, lãi suất được xác định lại 6 tháng một lần kể từ ngày giải ngân vào ngày xác định lãi suất. Khoản vay được thế chấp bằng chính tàu biển thuộc sở hữu của Tập đoàn.
- (b) Tại ngày 16 tháng 01 năm 2009, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký hợp đồng vay với Ngân hàng BNP Paribas với số tiền là 45.000.000 USD. Khoản vay được hoàn trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 16/01/2012 đến ngày 16/7/2014. Khoản vay chịu lãi suất cố định 6,6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tín chấp.
- (c) Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) ký Hợp đồng vay trung hạn số 36/2010/HĐTD/TH-PN/PGB-HO với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex để thực hiện dự án hệ thống phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petrolimex, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 22.415.250.000 VND, thời hạn vay 3 năm, lãi suất theo quy định từng lần ngân hàng giải ngân. Số dư khoản vay này đến thời điểm 30/6/2013 là 5.432.314.200 VND.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	162.321.786.616	314.867.839.849
Trong năm thứ hai	211.678.028.304	185.036.028.307
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	167.904.000.000	160.275.500.000
Sau năm năm	111.936.084.800	137.379.083.260
	653.839.899.720	797.558.451.416
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(162.321.786.616)	(314.867.839.849)
Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn	491.518.113.104	482.690.611.567

Khoản vay dài hạn đến hạn trả là các khoản vay có thời hạn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

23. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
	đến ngày 30/6/2013	đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	516.296.118.180	774.900.313.270
Tăng trong kỳ	1.145.905.122.000	1.148.331.028.800
Giảm trong kỳ	(1.462.128.255.820)	(1.874.773.128.390)
Số dư cuối kỳ	200.072.984.360	48.458.213.680

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
 Số 1 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I/Vốn chủ sở hữu	10.167.237.910.468	611.560.448.552	26.742.000.000	10.752.056.359.020
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.700.000.000.000	-	-	10.700.000.000.000
<i>Vốn góp của Nhà nước</i>	<i>10.164.018.670.000</i>	-	-	<i>10.164.018.670.000</i>
<i>Vốn góp của đối tượng khác</i>	<i>535.981.330.000</i>	-	-	<i>535.981.330.000</i>
2. Vốn khác của chủ sở hữu	11.932.898.591	-	-	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(896.534.817.565)	-	-	(896.534.817.565)
4. Quỹ đầu tư phát triển	(244.570.817)	-	-	(244.570.817)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	352.084.400.259	611.560.448.552	26.742.000.000	936.902.848.811

Năm 2012

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I/Vốn chủ sở hữu	9.849.452.499.206	322.064.806.782	4.279.395.520	10.167.237.910.468
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.700.000.000.000	-	-	10.700.000.000.000
<i>Vốn góp của Nhà nước</i>	<i>10.164.018.670.000</i>	-	-	<i>10.164.018.670.000</i>
<i>Vốn góp của đối tượng khác</i>	<i>535.981.330.000</i>	-	-	<i>535.981.330.000</i>
2. Vốn khác của chủ sở hữu	11.932.898.591	-	-	11.932.898.591
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(896.534.817.565)	-	-	(896.534.817.565)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(38.043.545.101)	38.043.545.101	-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	(244.570.817)	-	-	(244.570.817)
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	700.000.000	-	700.000.000	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.642.534.098	284.021.261.681	3.579.395.520	352.084.400.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ đã ghi giảm khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản (nhận bàn giao từ Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam) do định giá doanh nghiệp (tại ngày 01 tháng 01 năm 2010) cho mục đích cổ phần hóa đã được Bộ Công thương phê duyệt và ghi tăng khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu với số tiền là 4.365.485.809,913 VND. Khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2011 (nhận bàn giao từ Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam) với số tiền là âm (-) 896.534.817,565 VND đang được phân ánh trên khoản mục Chênh lệch đánh giá lại tài sản để chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, sự ghi nhận này có sự khác biệt theo quy định tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ. Theo Thông tư số 202/2011/TT-BTC thì các khoản chênh lệch đề cập ở trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Xăng dầu đã có Công văn số 1947/PLX-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2011 gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc xác định lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Bên cạnh đó, liên quan đến vấn đề đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2011, Bộ Công thương đã gửi Công văn số 10579/BTC-TC ngày 02 tháng 11 năm 2012 đến Bộ Tài chính đề xuất thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ghi nhận trên chi tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản thuộc phần Vốn chủ sở hữu chờ quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Ngày 18 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1009/BTC-TCDN trả lời công văn nêu trên của Bộ Công thương; theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công thương không thực hiện đánh giá lại với các khoản đầu tư này để đảm bảo số vốn Nhà nước như đã công bố. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến việc đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Bên cạnh đó, các số liệu liên quan đến việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã được phản ánh trên các khoản mục vốn đầu tư của chủ sở hữu và chênh lệch đánh giá lại tài sản có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chưa được quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Công ty mẹ đang trong quá trình quyết toán số vốn Nhà nước trong quá trình cổ phần Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Giá trị phần vốn Nhà nước tại Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ là 10.164.018.676,419 VND.

Giá trị phần vốn Nhà nước nêu trên bao gồm một số lô đất chuyển đổi từ hình thức đất nhận chuyển nhượng hợp pháp hoặc nhận giao đất có tiền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, một số lô đất đã được điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất cũng như một số lô đất nhận giao đất, Nhà nước chưa thu tiền sử dụng đất nhưng khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang hình thức nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất. Các lô đất nêu trên khi quyết toán cổ phần hóa có thể được ghi nhận là một khoản phải trả ngân sách Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đang kiến nghị trong hồ sơ quyết toán cổ phần hóa để điều chỉnh với số tiền là 352.856.429,568 VND. Tuy nhiên, quyết định cuối cùng sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm khoản lãi cổ tức từ thời điểm 30 tháng 11 năm 2011 trở về trước ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 liên quan đến các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Castrol BP - PETCO Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xăng dầu và một số Công ty con chưa niêm yết khác. Giá trị các khoản đầu tư này tại thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần được xác định trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 5 năm 2013, Tập đoàn đã phê duyệt phương án chia cổ tức với mức 500đ/cổ phiếu, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty mẹ chưa thực hiện ghi nhận và chi trả cho các cổ đông.

Giảm khác của chi tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ngành theo Quyết định số 312/PLX-QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông:	1.070.000.000	1.070.000.000
- Nhà nước	1.016.401.867	1.016.401.867
- Cổ đông khác	53.598.133	53.598.133
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	1.070.000.000	1.070.000.000
- Nhà nước	1.016.401.867	1.016.401.867
- Cổ đông khác	53.598.133	53.598.133

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/Cổ phiếu.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.569.373.862.376	80.674.828.090.375
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.569.373.862.376	80.674.828.090.375
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	79.528.438.852.478	80.614.824.678.669
- Doanh thu bán xuất khẩu, tái xuất, chuyển khẩu	1.699.070.404.356	1.586.441.315.644
- Doanh thu bán hàng nội bộ Tập đoàn	77.829.368.448.122	79.028.383.363.025
Doanh thu hoạt động kinh doanh hàng hóa khác	22.181.091.898	37.222.677.136
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.753.918.000	22.780.734.570
	<u>79.569.373.862.376</u>	<u>80.674.828.090.375</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	78.289.048.450.301	80.255.152.517.572
- Giá vốn bán hàng xuất khẩu, tái xuất, chuyển khẩu	1.689.017.233.051	1.577.926.267.510
- Giá vốn bán hàng nội bộ Tập đoàn (i)	76.600.031.217.250	78.677.226.250.062
Giá vốn hoạt động kinh doanh hàng hóa khác	22.181.091.898	37.115.410.764
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.636.020.000	22.780.734.570
Chi phí hao hụt hàng tồn kho	233.491.728.943	206.923.149.806
Quỹ bình ổn giá xăng dầu (ii)	(316.223.133.820)	(726.442.099.590)
	<u>78.247.134.157.322</u>	<u>79.795.529.713.122</u>

(i) Giá vốn bán hàng nội bộ bao gồm 154.555.496.912 VND là chi phí thuế truy thu do những lô hàng tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết, chuyển sang tiêu thụ nội địa trong năm 2012 theo các Quyết định số 198/QĐ-KTS của Cục Hải quan Cần Thơ ngày 06 tháng 5 năm 2013, Quyết định số 451/QĐ-HQHN của Cục Hải quan Hà Nội ngày 08 tháng 5 năm 2013, Quyết định số 07/QĐ-KTSTQ của Cục Hải quan Đà Nẵng ngày 09 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 383/QĐ-HQQN của Cục Hải quan Quảng Ninh ngày 15 tháng 5 năm 2013 về việc truy thu thuế những lô hàng tạm nhập nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết, chuyển sang tiêu thụ nội địa trong năm 2012 với số tiền thuế truy thu lần lượt là 10.609.754 VND, 133.688.423.000 VND, 4.292.626.439 VND và 32.053.797.000 VND. Công ty mẹ đã ghi nhận vào thuế giá trị gia tăng được hoàn và giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu với số tiền lần lượt là 15.489.959.281 VND và 154.555.496.912 VND.

(ii) Trong kỳ, Công ty mẹ thực hiện chi quỹ bình ổn giá xăng dầu lớn hơn trích quỹ bình ổn giá làm giảm giá vốn hàng bán. Biến động của quỹ bình ổn giá được trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	219.127.149.728	394.896.310.558
Chi phí nhân công	23.282.224.000	27.144.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.101.441.698	46.122.879.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.774.602.998	1.134.296.951.581
Chi phí khác	147.361.421.172	197.522.536.807
	<u>1.272.646.839.596</u>	<u>1.799.983.178.905</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm chi phí mua xăng dầu (hoạt động thương mại) trong kỳ.

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	162.103.235.206	159.184.225.543
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	560.058.180.708	414.912.502.476
Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.913.348.292	237.001.813.397
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (ii)	13.996.299.279	-
Lãi bán hàng trả chậm	56.680.163.302	81.767.732.559
Phí ủy thác	24.370.079.823	27.284.362.165
	<u>872.121.306.610</u>	<u>920.150.636.140</u>

- (i) Cổ tức, lợi nhuận được chia bao gồm 130.950.860.710 VND là phần lợi nhuận lũy kế từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các Công ty Xăng dầu thành viên chuyển về Công ty mẹ theo Quyết định số 260/PLX-QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2013 về việc điều lợi nhuận về Tập đoàn từ lợi nhuận lũy kế 13 tháng (từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012). Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 5 năm 2013, khoản doanh thu này bao gồm trong nguồn lợi nhuận thực hiện kế hoạch chia cổ tức năm 2012.
- (ii) Công ty không thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	158.614.515.398	351.033.699.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.880.118.653	193.038.309.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (i)	253.534.922.477	-
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	188.291.701.554	-
Chiết khấu thanh toán	73.464.139.807	1.890.809.377
Chi phí tài chính khác	2.242.921.450	19.001.793.373
	<u>877.028.319.339</u>	<u>564.964.611.598</u>

- (i) Công ty không thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Chi tiêu lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong kỳ bao gồm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh sau ngày khóa sổ khi thanh toán các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ với số tiền 46.992.022.248 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.282.224.000	27.144.500.000
Chi phí vật liệu, bao bì	486.795.071	996.551.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.665.885.725	19.027.434.200
Chi phí thuế, phí, lệ phí	12.366.719.503	27.042.322.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.219.578.947	60.609.334.535
Chi phí bằng tiền khác	537.406.489.181	726.767.567.310
- Chi phí bảo quản	286.442.970.503	308.045.963.311
- Chi phí vận chuyển	165.128.704.965	306.131.451.626
- Chi phí bằng tiền khác	85.834.813.713	112.590.152.373
Phân bổ lợi thế kinh doanh	27.107.016.960	27.107.016.960
	723.534.709.387	888.694.727.014

31. LỢI NHUẬN KHÁC

Lợi nhuận khác bao gồm chủ yếu là các khoản thu, chi về tiền dôi nhật, chậm hàng, phí tàu già được ghi nhận theo số thuận trên tổng số thực thu, thực chi trong kỳ.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	628.727.871.167	376.979.386.650
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản không chịu thuế	(560.058.180.708)	(414.912.502.476)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(560.058.180.708)	(414.912.502.476)
Thu nhập chịu thuế	68.669.690.459	(37.933.115.826)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.167.422.615	-

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các thư tín dụng còn hiệu lực mà các ngân hàng đã mở cho hoạt động nhập khẩu xăng dầu của Công ty mẹ là 898.983.718 USD (tương đương 19.058.454.817.572 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty mẹ quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	9.761.957.766.240	16.814.115.655.202
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.740.745.496.869	2.474.407.397.199
Nợ thuần	4.021.212.269.371	14.339.708.258.003
Vốn chủ sở hữu	10.752.056.359.020	10.167.237.910.468
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,37</u>	<u>1,41</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.740.745.496.869	2.474.407.397.199
Đầu tư dài hạn khác	543.155.024.525	606.901.179.490
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	7.557.514.146.812	4.501.619.162.460
Tài sản tài chính khác	4.323.779.228	3.209.058.389
Tổng cộng	<u>13.845.738.447.434</u>	<u>7.586.136.797.538</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	18.997.897.897.688	9.404.299.823.279
Các khoản vay	9.761.957.766.240	16.814.115.655.202
Chi phí phải trả	102.703.373.513	37.525.170.272
Tổng cộng	<u>28.862.559.037.441</u>	<u>26.255.940.648.753</u>

Công ty mẹ chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro tỷ giá của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ ở mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được bằng việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.253.664.976.838	2.100.012.365.536	22.477.375.503.396	18.798.448.887.249

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty mẹ sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(424.474.210.531)	(326.982.739.837)
	(424.474.210.531)	(326.982.739.837)

Như trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty mẹ đã đánh giá một cách thận trọng và thực hiện ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh sau ngày khóa sổ khi thanh toán các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ với số tiền 46.992.022.248 VND để cung cấp thông tin đầy đủ cho các cổ đông và các Nhà đầu tư về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 (do sau thời điểm 30/6/2013 tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại luôn ở mức tỷ giá 21.246 VND/USD, cao hơn 46 VND/USD so với tỷ giá Công ty mẹ đánh giá theo Công văn số 1916/BTC-CĐKT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty mẹ quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty mẹ từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 sẽ giảm/tăng 97.619.577.662 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012: 168.141.156.552 VND).

	<u>Tăng/(Giảm)</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	%	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013		
đến ngày 30/6/2013		
VND	1%	(97.619.577.662)
VND	-1%	97.619.577.662
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012		
đến ngày 30/6/2012		
VND	1%	168.141.156.552
VND	-1%	(168.141.156.552)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mẹ mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty xăng dầu thành viên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
30/6/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.740.745.496.869	-	-	5.740.745.496.869
Đầu tư dài hạn khác	-	543.155.024.525	-	543.155.024.525
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	7.388.580.641.521	168.933.505.291	-	7.557.514.146.812
Tài sản tài chính khác	4.323.779.228	-	-	4.323.779.228
Tổng cộng	13.133.649.917.618	712.088.529.816	-	13.845.738.447.434
30/6/2013				
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	18.989.987.665.234	7.910.232.454	-	18.997.897.897.688
Chi phí phải trả	102.703.373.513	-	-	102.703.373.513
Các khoản vay	9.270.439.653.136	379.582.028.304	111.936.084.800	9.761.957.766.240
Tổng cộng	28.363.130.691.883	387.492.260.758	111.936.084.800	28.862.559.037.441
Chênh lệch thanh khoản thuần	(15.229.480.774.265)	324.596.269.058	(111.936.084.800)	(15.016.820.590.007)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.474.407.397.199	-	-	2.474.407.397.199
Đầu tư dài hạn khác	-	606.901.179.490	-	606.901.179.490
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	4.328.970.228.596	172.648.933.864	-	4.501.619.162.460
Tài sản tài chính khác	3.209.058.389	-	-	3.209.058.389
Tổng cộng	6.806.586.684.184	779.550.113.354	-	7.586.136.797.538
31/12/2012				
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	9.396.389.590.825	7.910.232.454	-	9.404.299.823.279
Chi phí phải trả	37.525.170.272	-	-	37.525.170.272
Các khoản vay	16.331.425.043.635	345.311.528.307	137.379.083.260	16.814.115.655.202
Tổng cộng	25.765.339.804.732	353.221.760.761	137.379.083.260	26.255.940.648.753
Chênh lệch thanh khoản thuần	(18.958.753.120.548)	426.328.352.593	(137.379.083.260)	(18.669.803.851.215)

Mặc dù tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ có tài sản tài chính nhỏ hơn công nợ tài chính nhưng Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Giá trị hàng tồn kho là xăng dầu theo quy định không phải là tài sản tài chính, tuy nhiên do đặc thù của hoạt động kinh doanh xăng dầu, giá trị hàng tồn kho là xăng dầu có thể tạo ra nguồn tiền lớn và tức thời để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các công ty Xăng dầu thành viên	Công ty con
Petrolimex Singapore Pte.,Ltd.	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	Công ty con
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	Công ty con
Công ty Liên doanh TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	Công ty con
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Công ty con
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty mẹ có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xăng dầu cho các công ty Xăng dầu thành viên	77.829.368.448.122	79.028.383.363.025
Doanh thu tài chính - Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	53.050.994.593	85.644.416.386
Lãi vay và chi phí lãi chậm trả từ các công ty Xăng dầu thành viên	56.680.163.302	81.767.732.559
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Mua xăng dầu từ Petrolimex Singapore Pte.,Ltd.	36.683.573.688.009	30.994.242.312.061
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	220.112.929.651	265.977.197.875
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	452.452.229.974	599.066.684.386
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico	75.241.160.041	89.156.706.234
Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	-	-
Công ty Liên doanh TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	46.124.369.239	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	111.379.798.625	99.729.237.727
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	18.718.114.867	29.982.485.166
Chi phí hàng giữ hộ với các công ty Xăng dầu thành viên	286.327.470.503	307.914.313.311

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Lương, tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.768.714.893	1.572.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền gửi Ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	199.142.642.160	270.181.977.012
Các khoản tương đương tiền		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	796.000.000.000	634.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	414.660.172.325	478.406.327.290
Các khoản phải thu, phải thu khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	6.208.858.783	14.508.858.783
Công ty TNHH Hóa chất PTN	26.148.016.031	26.592.638.307
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	5.418.300.689	5.418.300.689
Các công ty Xăng dầu thành viên	6.267.097.854.607	5.037.691.483.419
Các khoản ứng trước cho người bán		
Công ty Liên doanh TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	47.238.496.329	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.844.967.794	-
Các khoản phải trả		
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	15.002.529.415	14.633.982.475
Chi phí vận chuyển với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	62.388.784.019	56.058.148.367
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico	8.629.687.949	5.891.033.073
Petrolimex Singapore Pte., Ltd	11.465.352.851.254	2.272.129.346.894
Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex	-	230.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Kho ngoại quan Vân Phong	-	10.947.468.820
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	12.538.728.137	11.842.264.276
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	-	2.346.316.612
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	10.400.000.000	19.809.831.261
Các công ty Xăng dầu thành viên	3.944.172.040	29.671.120.566
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	5.432.314.200	5.432.314.200
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	2.716.157.100	5.432.314.200

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là kỳ đầu tiên Công ty mẹ lập báo cáo tài chính bán niên. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét.



Nguyễn Thị Mên
 Trưởng phòng Kế toán

Hoàng Chi Mai
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013


CÔNG TY MẸ-TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KINH DOANH 6 THÁNG 2013

Nội dung	Số tiền
I. Doanh thu	79.569.373.862.376
Trong đó:	
<i>Doanh thu bán xăng dầu</i>	<i>79.528.438.852.478</i>
<i>Doanh thu bán HHK</i>	<i>22.181.091.898</i>
<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	<i>18.753.918.000</i>
II. Giá vốn hàng bán	78.247.134.157.322
Trong đó:	
<i>Giá vốn hàng bán xăng dầu</i>	<i>78.206.317.045.424</i>
<i>Giá vốn bán HHK</i>	<i>22.181.091.898</i>
<i>Giá vốn dịch vụ khác</i>	<i>18.636.020.000</i>
3. Chi phí bán hàng	723.534.709.387
III. TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	628.727.871.167
1. KQKD mặt hàng xăng dầu bao gồm cả HĐTC	153.396.951.738
2. Lãi hoạt động dịch vụ	117.898.000
3. Hoạt động tài chính (Cổ tức lợi nhuận được chia)	440.283.133.200
4. Lãi hoạt động khác	34.929.888.229

Hà nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập


Phạm Việt Tiếp

Kê toán trưởng

